

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/DS-PT

Ngày: 10-4-2018

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Duyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2017/TLPT-DS ngày 29/8/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn:* Bà Đặng Hồng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2017).

Địa chỉ: số 166, ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 04/01/2017 ông có ký hợp đồng bao tiêu nếp với bà Đặng Hồng T diện tích 10 ha, giá nếp 5.100 đồng/1kg, số lượng nếp dự tính thu hoạch là 70 tấn, ông đặt cọc trước cho bà T 70.000.000đồng, thời gian dự kiến thu hoạch là 105 ngày, nếu có thay đổi ngày cắt thì hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng thỏa thuận thống nhất định ngày cắt nếp cho phù hợp. Tuy nhiên lúc nếp mới 93 ngày (ngày 04, 05/3/2017 âm lịch) bà T đã tự ý cắt nếp bán cho người khác mà không bán cho ông như thỏa thuận. Ông yêu cầu bà T, ông V có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền cọc là 70.000.000đồng và phạt cọc 70.000.000đồng. Tổng cộng là 140.000.000đồng.

Bị đơn bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V đại diện ông Phạm Văn T trình này: Ông V, bà T thống nhất giữa ông T, bà T có thỏa thuận lập hợp đồng đặt cọc bao tiêu nếp, ông T có đưa trước tiền cọc cho bà T 70.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận sau khi cắt nếp cân sẽ trừ vào tiền cọc đã nhận, dự kiến thời gian cắt nếp là 105 ngày, nếu có thay đổi thời gian cắt nếp thì bên bà T có nghĩa vụ báo cho ông T biết để cùng nhau định ngày cắt nếp cho phù hợp. Do vụ Đông xuân năm 2017 thời tiết nắng hạn nên nếp chín sớm hơn so với các năm, khi nếp được khoảng 80 ngày, bà T có báo cho ông T đến định ngày cắt nếp, ông T có đến nhưng khi xem nếp ông T nói nếp còn sống nên chưa thể định ngày cắt được, khi nào nếp gần chín báo cho ông T biết để đến định ngày cắt, khi nếp được 90 ngày bà T có báo cho ông T đến định ngày cắt nhưng ông T không đến mà có ông L đến thăm đồng định 99 ngày cắt, bà T không đồng ý vì để nếp 99 ngày cắt nếp sẽ chín rục gây thiệt hại cho bà nên bà T không đồng ý, bà chỉ đồng ý thời gian cắt nếp là 97 ngày; sau đó bà T có điện yêu cầu ông T lên định ngày cắt nếp để bà thuê máy cắt nhưng ông T không đến, bà T có làm tờ trình báo sự việc đến ấp C và Ủy ban nhân dân xã V. Đến ngày 05/3/2017 bà T cắt nếp và cân nếp vào ngày 06/3/2017 như vậy từ ngày xạ nếp đến ngày bà T cắt nếp là 97 ngày, việc bà T cắt nếp bán cho người khác là do lỗi của ông T, bà T không có lỗi. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà T trả lại tiền đặt cọc 70.000.000đồng và tiền phạt cọc 70.000.000đồng. Ông T đại diện cho bà T, ông V không đồng ý với yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V.

Buộc bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền cọc đã nhận 70.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải trả lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 9 tháng 8 năm 2017 ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là buộc ông V và bà T phải liên đới bồi thường tiền phạt cọc 70.000.000đồng.

Ngày 9 tháng 8 năm 2017 bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là không đồng ý trả lại tiền cọc 70.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo.

Bà Đặng Hồng T, ông Lê Hoàng V đại diện ông Phạm Văn T không rút yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể: ông T đồng ý nhận lại số tiền đã đặt cọc là 70.000.000đồng, ông V, bà T hỗ trợ cho ông T 10.000.000đồng tiền lãi do ông V, bà T đã nhận số tiền cọc của ông T đã lâu, ông T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.100.000đồng, án phí dân sự sơ thẩm ông V và bà T phải chịu; ông T đại diện cho bà T và ông V đồng ý với toàn bộ đề nghị của ông T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Hồng T, ông Phạm Văn T thấy rằng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và ông T đại diện cho bà T và ông V đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Hồng T, ông Lê Hoàng V làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể ông T đồng ý nhận lại số tiền đã đặt cọc là 70.000.000đồng và đề nghị ông V và bà T hỗ trợ cho ông T 10.000.000đồng tiền lãi do ông V, bà T nhận số tiền đặt cọc của ông T đã quá lâu; ông T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 2.100.000đồng, về án phí dân sự sơ thẩm ông V và bà T phải chịu; Ông T đại diện cho bà T và ông V đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông T. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Vì vậy xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, kháng cáo của ông T, bà T và ông V có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Hồng T, ông Lê Hoàng V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Hồng T, ông Lê Hoàng V kháng cáo được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T phải chịu 2.100.000đồng (ông T đã nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Hồng T, ông Lê Hoàng V.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn T và ông Phạm Văn T đại diện cho bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 217 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Buộc bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc đã nhận 70.000.000đồng và tiền lãi là 10.000.000đồng. Tổng cộng số tiền là 80.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải trả lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.500.000đồng theo biên lai thu số 0003726 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V có nghĩa vụ liên đới chịu 4.000.000đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000đồng; bà Đặng Hồng T và ông Lê Hoàng V 300.000đồng theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí số 0003891 ngày 09/8/2017 và theo biên lai thu số 0003894 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.100.000đồng (số tiền này ông T đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Cẩm Hồng